

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 618/2020/HC-PT
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 62/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2019/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1144/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Đức L, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: L, khu phố x1, Phường x2, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Thu H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1/Uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố B (xin xét xử vắng mặt)

2/Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố B (xin xét xử vắng mặt)

3/Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre (xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Vũ Đức L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Vũ Đức L trình bày:

Ông là chủ sử dụng phần đất thửa 703, tờ bản đồ số 11, diện tích 376,5m² tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Phần đất này có nguồn gốc là của cha mẹ ông để lại. Vào năm 1987 cha mẹ ông đã cho ông phần đất trên và ông đã sử dụng ổn định từ đó đến nay. Do đây là tài sản chung nên vào năm 2006 các anh em của ông đồng ý nhân chia và ông nhận phần tài sản trên do ông Vũ Tiến T chuyển nhượng lại và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCN QSD) đất số HPH/02776 ngày 30/10/2006.

Mặc dù nhận chuyển nhượng vào năm 2006 nhưng phần đất trên ông đã sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay. Năm 2006 khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đã biết được việc phần đất của ông có một phần tách ra làm lối đi nhưng ông đồng ý cho hộ phía trong sử dụng làm lối đi nên không có khiếu nại liên quan đến việc này. Tại thời điểm năm 2006 ông chỉ khiếu nại liên quan đến phần đất thổ cư của thửa đất 703.

Năm 2016, thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N, phần đất lối đi hiện ông đang sử dụng bị giải tỏa. Ông chỉ nhận được tiền bồi thường của phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất làm lối đi thì không được bồi thường nên ông có gửi đơn yêu cầu bồi thường với diện tích làm lối đi bị giải tỏa là 10,3 m².

Ngày 05/5/2017, UBND thành phố B ban hành công văn số 1133/UBND-TNMT không đồng ý yêu cầu bồi thường của ông, ông tiếp tục khiếu nại.

Ngày 08/8/2017, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại của ông, ông tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bến Tre.

Ngày 23/02/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 327/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy:

- Văn bản số 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 của UBND thành phố Bến Tre về việc trả lời đơn của ông Vũ Đức L;
- Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L;
- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L.

Lý do: Năm 1997 cơ quan đo đạc đã tự ý tách một phần đất ông đang quản lý sử dụng làm lối đi chung mà không có ý kiến của người đang sử dụng đất, trong khi phần đất này là của cá nhân gia đình ông.

Theo văn bản ý kiến số 854/UBND-TNMT ngày 22/3/2019 người bị kiện -

UBND thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 30/10/2015, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định 2317/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đầu tư xây dựng công trình đường N nối dài (đoạn từ ngã tư T1 đến cầu P), thành phố B.

Ngày 11/11/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4439/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do ông Vũ Đức L sử dụng để xây dựng công trình đường N nối dài. Đồng thời cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định 4340/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện công trình đường N nối dài. Theo phương án đã được phê duyệt, ông L được bồi thường về đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P (nay là phường P1) với diện tích 58,4m². Ông L không đồng ý với diện tích bồi thường và yêu cầu xem xét bồi thường phần diện tích 16m² đất đường đi.

Sau khi kiểm tra, xác minh, UBND thành phố B xác định phần đất diện tích 16 m² (thực tế phần đất đường đi bị giải tỏa 10,3m², ông L thống nhất và yêu cầu bồi thường phần diện tích này) mà ông L yêu cầu bồi thường thuộc một phần đường đi công cộng do Nhà nước quản lý, đã được xác lập theo bản đồ đo đạc tổng thể năm 1997. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bến Tre (nay là thành phố B) cấp cho ông L vào ngày 30/10/2006 tại thửa 703, tờ bản đồ số 11 diện tích 376,5 m² có thể hiện giáp hẻm công cộng.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố B khẳng định công văn số 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 của UBND thành phố B về việc trả lời yêu cầu của ông Vũ Đức L với nội dung không giải quyết được yêu cầu bồi thường và Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L là phù hợp pháp luật.

Theo văn bản ý kiến số 1275/UBND-NC ngày 21/3/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:

Phần diện tích 10,3m² đất lối đi (theo đo đạc thực tế và đã được thu hồi, giải tỏa để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N vào năm 2016) mà ông Vũ Đức L khiếu nại và yêu cầu bồi thường cho ông. Phần đất này trước đây nằm trong phần đất có diện tích khoảng 10.000m² đất tọa lạc tại khu phố 2, phường P1, thành phố B của ông Vũ Văn T3, bà Phan Thị B1 (cha, mẹ của ông L). Năm 1989, ông T3 bà B1 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Kim K (không có giấy tờ chuyển nhượng) diện tích khoảng 5.000m² đất (trong diện tích 10.000m² đất trên và năm 2004 bà Lê Thị Kim K được cấp GCN QSD đất với diện tích 4.478m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 11, phường Phú Khương).

Thực tế, phần diện tích (10,3m² đất trên ông T3 bà B1 đã để cho gia đình bà K sử dụng làm lối đi và được thể hiện trên bản đồ địa chính là lối đi công cộng từ năm 1989 đến thời điểm bị giải tỏa. Do đó, việc ông L yêu cầu bồi thường cho ông diện tích 10,3m² đất lối đi nêu trên là không hợp lý. Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L là phù hợp pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2019/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 69; khoản 1 Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức L về việc yêu cầu hủy: Văn bản số 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của ông Vũ Đức L; hủy quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L; hủy quyết định 372/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Vũ Đức L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019, người khởi kiện ông Vũ Đức L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng khi không đưa các anh chị em ông L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ ông L mua trước năm 1970. Năm 1994 em ông L kê khai di sản thừa kế, trong đó có diện tích cho gia đình bà Quyên mượn làm lối đi. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh chị em tham gia tố tụng là thiếu sót. Bà Quyên có đơn xác nhận trả lại 1m ngang cho anh em ông L nhưng sơ thẩm không đưa bà Quyên vào tham gia tố tụng để làm rõ đơn xin xác nhận này. Phần đất này của gia đình ông L, bà K đã có lời khai, có đơn xin xác nhận về phần đất chưa làm đường đi và đồng ý trả lại 1m ngang đường đi. Gia đình ông L khẳng định phần đất này là cho gia đình bà K đi nhờ không phải là lối đi công cộng. UBND thành phố B không có văn bản chứng minh phần đất là lối đi công cộng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại do có vi phạm tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Theo trích lục bản đồ địa chính của UBND xã thì phần đất ông L yêu cầu bồi thường là đường đi công cộng, không thuộc sở hữu của cá nhân nào. Tại báo cáo kết quả xác minh của thanh tra có nội dung phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông L sử dụng làm lối đi hình thành từ năm 1989. Biên bản giải quyết của UBND phường xác định phần đất này là lối đi. Yêu cầu bồi thường của ông L là không có cơ sở, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đối với trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các anh em của ông L và bà Lê Thị Kim K vào tham gia tố tụng là có vi phạm tố tụng. Xét thấy, ông L khởi kiện vụ án hành chính vì cho rằng các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Tính chất của vụ án hành chính là xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện. Anh em của ông L và bà K không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[2] Ông Vũ Đức L khởi kiện đề nghị hủy Văn bản số 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 của UBND thành phố B; hủy quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B; hủy quyết định 372/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre do không chấp nhận yêu cầu xem xét bồi thường diện tích đất 10.3 m² tọa lạc tại khu phố x2, phường P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre của ông L. Phần đất này có nguồn gốc là của gia đình ông nhưng UBND xác định là lối đi công cộng là không đúng.

Người bị kiện cho rằng quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] UBND thành phố B ban hành văn bản 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 trả lời yêu cầu của ông L với nội dung không giải quyết yêu cầu bồi

thường phần đường đi công cộng; Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 giải quyết khiếu nại lần 1; Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định 672/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, luật Khiếu nại năm 2011

[3.2] Theo báo cáo số 671/BC-TNMT ngày 12/4/2017, báo cáo xác minh ngày 09/10/2017 của thanh tra tỉnh Bến Tre, văn bản trình bày ý kiến của bà Lê Thị Kim K và biên bản làm việc với ông L thì: Trước năm 1989 phần đất 367,5 m² mà ông L đang sử dụng nằm trong phần đất 10.000 m² của ông Vũ Văn T3 và bà Phan Thị B1 (cha mẹ ông L). Năm 1989, ông T3 bà B1 đã chuyển nhượng 5.000 m² cho bà K. Năm 2004 bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do phần đất của bà K nằm phía trong không có lối đi nên ông T3, bà B1 chừa ra 2m ngang cho bà K làm lối đi công cộng. Gia đình bà K đã sử dụng lối đi này từ năm 1989 đến nay. Phần đất còn lại ông Vũ Đức H3 (con ông T3, bà B1) đăng ký kê khai năm 1994 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các thửa 87, 104, 332, 103 vào năm 2001. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3 thì thửa 103 thể hiện tiếp giáp hẻm công cộng. Từ năm 1997 thì phần diện tích 10,3 m² được xác lập trên bản đồ địa chính là lối đi công cộng. Năm 2004, ông H3 đã chiết thửa 103 thành 2 thửa trong đó có thửa 703 diện tích 367,5 m² cho ông Vũ Tiến T. Năm 2006 ông T chuyển nhượng thửa 703 cho ông L, và ông L cũng đã được UBND thị xã Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, khi ông H3, ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đều thể hiện thửa 703 có hướng Bắc giáp đường công cộng. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đều không thể hiện phần diện tích là lối đi vào nhà bà K nhưng các ông không có ý kiến khiếu nại. Ông L xác định khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông chỉ khiếu nại về diện tích đất thổ cư. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cho rằng có khiếu nại về phần đường đi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định phần diện tích 10,3 m² là lối đi công cộng vào nhà bà K không được công nhận quyền sử dụng cho ai mà do UBND phường P1 quản lý.

[3.3] Năm 2005, giữa ông H3 và bà K có lập xác nhận bà K đồng ý trả lại phần đất có chiều ngang 1m trên phần lối đi vào nhà bà. Tuy nhiên, phần đất này không nằm trong phần đất mà ông H3 đã tách cho ông Tài vào năm 2004, nên cũng không nằm trong phần đất mà ông Tài chuyển nhượng cho ông L. Do đó, ông L yêu cầu được bồi thường diện tích 10,3 m² làm lối đi là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Vũ Đức L được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Đức L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2019/HC-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 69; khoản 1 Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức L về việc yêu cầu hủy: Văn bản số 1133/UBND-TNMT ngày 05/5/2017 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của ông Vũ Đức L; quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức L; quyết định 372/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Vũ Đức L.

Ông Vũ Đức L được miễn án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- NKK (1);
- NBK (3);
- Lưu (10) 19b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười